TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ** Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST Ngày 24/7/2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Lâm
Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 24/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 09/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 *(Có mặt)*
Nơi ĐKTT: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 1979 *(Có mặt)*
Nơi ĐKTT: Thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 26/02/2018 và phiên hòa giải ngày 22/3/2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lưu Văn T kết hôn với nhau vào ngày 14/4/2003, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Ngọc Lặc và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại phố Z, xã Q (Nay là thôn X, xã T), huyện Ngọc Lặc, sau đó mua nhà ở trên đất thôn G, xã T, liền kề với thôn X. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T uống rượu say không làm chủ được bản thân, về nhà chửi bới, thậm chí đánh đập chị S. Khi

mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình bố mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần, nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đầu năm 2014 chị S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S và anh T ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, chị S và anh T đã thỏa thuận trở lại đoàn tụ, nhưng sau khi đoàn tụ, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến giữa năm 2017, do mâu thuẫn trầm trọng, chị S và anh T đã sống ly thân, vợ chồng không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Theo chị S, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S và anh T ly hôn. Về con chung, chị S và anh T có hai con chung tên là Lưu Tiến Đ, sinh ngày 07/4/2006 và Lưu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/02/2009. Khi ly hôn, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà G, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến Đ và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2018 và phiên hòa giải ngày 22/3/2018, bị đơn là anh Lưu Văn T thừa nhận lời khai của nguyên đơn về việc kết hôn và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng hiện nay là đúng. Về thời gian và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, theo anh T, quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, về thời gian, giờ giấc đi làm. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình, chính quyền, đoàn thể đã hòa giải vợ chồng đã xum họp, đoàn thụ nhưng chỉ được thời gian rất ngắn lại xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, năm 2014 chị S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng được Tòa án hòa giải nên vợ chồng đã trở lại đoàn tụ. Từ khi đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mà liên tục xảy ra mâu thuẫn và từ tháng 5/2017 vợ chồng đã sống ly thân, không qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S và anh T ly hôn, anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị S và cá nhân anh T cũng có nguyện vọng ly hôn với chị S để ổn định cuộc sống. Về con chung, giữa anh T và chị S có hai con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con như chị S trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh T không đồng ý với yêu cầu của chị S về việc giao nuôi con, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/5/2018, Tòa án tiếp tục tiến hành phiên hòa giải, chị S và anh T đã thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc giao cả 2 con cho anh T nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và thỏa thuận về người chịu án phí sơ thẩm việc thuận tình ly hôn; Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Nhưng đến ngày 11/5/2018, chị S có đơn thay đổi thỏa thuận về việc giao nuôi con, chị Sinh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu

Hà G, anh Thanh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến Đ để việc nuôi dưỡng, chăm sóc con được tốt hơn, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên.

Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã hòa giải nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên thỏa thuận ly hôn trong phiên hòa giải ngày 22/3 và ngày 10/5/2018. Về việc giao nuôi con chưa thành niên, chị S vẫn yêu cầu Tòa án giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà G, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến Đ và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; anh T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con và tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh quan hệ vợ chồng của mình là hợp pháp, về con chung và nguyện vọng của con chưa thành niên trên 7 tuổi khi bố mẹ ly hôn, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị S, bị đơn anh Lưu Văn T là việc kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S và bị đơn là anh Lưu Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị S và anh T trình bày không thống nhất với nhau, điều này thể hiện hai bên có sự khác biệt nhau về nhận thức, về quan điểm sống và không hợp nhau về tính cách. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình đã dàn xếp, chính quyền, đoàn thể đã hòa giải nhưng vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị S đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S và anh T ly hôn vào đầu năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, hai người đã thỏa thuận đoàn tụ với nhau, nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã thực sự trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án,

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải nhưng không thành, chị S và anh T thỏa thuận tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận sự tự nguyện ly hôn của hai người. Xét thấy, sự thỏa thuận ly hôn của chị S và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lưu Văn T.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà chị S cung cấp và ý kiến của anh T có đủ cơ sở để xác định cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 07/4/2006 và Lưu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/02/2009 là con chung của chị S và anh T. Khi ly hôn, cả chị S và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, trong đó anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 2 con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị S, anh T là chính đáng, song việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của người nuôi, quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng của con chưa thành niên đã đủ 7 tuổi trở lên. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, thì cả chị S và anh T đều là giáo viên, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, nhưng hiện nay cả 2 con đều đã trên 7 tuổi, cháu Lưu Tiến Đ có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Lưu Nguyễn Hà G có nguyện vọng ở với chị S. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị S và nguyện vọng của cháu Đ, cháu G; giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Nguyễn Hà G, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Tiến Đ và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Chị S và anh T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

[4]. Về tài sản: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị S và anh T thỏa thuận tự nguyện ly hôn và được công nhận thuận tình ly hôn tại phiên tòa, nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật và mỗi người phải nộp 50% số án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lưu Văn T.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Nguyễn Hà G, sinh ngày 27/02/2009; Anh Lưu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Tiến Đ, sinh ngày 07/4/2006; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: - Chị Nguyễn Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003978 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chị S được trả lại số tiền 150.000 đồng.

- Anh Lưu Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 150.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị S, anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Viết Giảng